

Bản án số: 29/2017/HSST

Ngày: 26/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Bảo – Chủ tịch UBND phường An B1, xã A, tỉnh Gia Lai.

2. Bà Võ Thị Thanh Hương – Phó Giám đốc TTDS và KHHGD thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký TAND thị xã A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2017/HSST ngày 18/8/2017 đối với bị cáo:

Lê Thị N (tên gọi khác là Thu); sinh ngày 09/5/1968 tại Q, B; nơi ĐKNKTT: Tổ 07, Khu vực 02, phường Trần Quang Di, thành phố Q, tỉnh B; trú tại: Tổ 02, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Buôn bán; văn hóa 5/12; con ông Lê Công H (chết) và bà Nguyễn Thị B1; có chồng là Trần Văn B2 (Chết) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị giam giữ từ ngày 19/6/2017 cho đến nay (có mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng tháng 8 năm 2008 Lê Thị N từ thành phố Q, tỉnh B đến thuê nhà bà Phan Thị T1 ở Tổ 02, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai để sinh sống. Ngày 16/6/2017 Đặng Thị T (tên gọi khác là Nguyễn Thị Mỹ L) là gái bán dâm từ thị trấn V, huyện V, tỉnh B đến nhà N xin ở để hành nghề bán dâm. N đồng ý và thỏa thuận với T mỗi lần T bán dâm tại nhà của N với giá là 250.000đ, trong đó N hưởng 50.000đ, còn T 200.000đ.

Khoảng 12 giờ ngày 19/6/2017, Lê Thanh B1 và Nguyễn Thành N1 sau khi nhậu xong thì B1 rủ N1 đi tìm gái để mua dâm, N1 không đồng ý nhưng vẫn đi cùng B1 đến nhà Lê Thị N để tìm gái mua dâm. Khi đến nơi N1 ngồi uống nước ở quán vỉa hè đợi còn B1 vào trong gặp N hỏi “Ở đây có gái không?”, N chỉ vào T và nói “Con này được không, nếu được thì giá 250.000đ”. B1 đồng ý và đưa cho T 250.000đ. T cầm tiền và đưa lại cho N. N chỉ cho B1 và T vào phòng ngủ của mình, T và B1 vào phòng, T lấy 01 bao cao su và 01 khăn lạnh mà N đã chuẩn bị

sẵn rồi cả hai tự cởi quần áo ra rồi thực hiện hành vi mua bán dâm. Sau khi mua dâm xong, B1 gặp N1 và nói: “Có con phục vụ nhiệt tình lắm, anh chơi không?”. N1 đồng ý nên B1 dẫn N1 đến nhà N. N1 hỏi N “Bao nhiêu một dù?” N nói 250.000đ, N1 đồng ý và nói mua dâm xong sẽ trả tiền. N chỉ cho N1 và T vào phòng ngủ của mình, còn B1 ngồi tại phòng khách của N chờ. Khi N1 và T đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Công an thị xã A bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: 02 bao cao su, 02 khăn lạnh hiệu Sapphire đã qua sử dụng; 04 bao cao su chưa qua sử dụng hiệu Beautiful Dream; 04 khăn lạnh chưa sử dụng hiệu Sapphire; 01 hộp bao cao su còn nguyên chưa sử dụng hiệu Beautiful Dream; Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 250.000đ; 01 điện thoại di động C2 Nokia màu đen và 01 điện thoại di động Nokia màu đỏ; Nguyễn Thành N1 giao nộp 250.000đ.

Ngày 19/7/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A xác định điện thoại di động C2 Nokia màu đen và điện thoại di động Nokia màu đỏ không liên quan đến vụ án nên đã trả lại cho Lê Thị N.

Cáo trạng số 28/CTr-VKS ngày 18/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A truy tố bị cáo Lê Thị N về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị N phạm tội “Chứa mại dâm” và áp dụng điểm c khoản 2 Điều 254; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; N1 quyết định 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 06 năm tù. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất về xử lý vật chứng và án phí của vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa về hành vi của mình giống như nội dung bản cáo trạng đã nêu và phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Vào trưa ngày 19/6/2017 bị cáo Lê Thị N đã sử dụng phòng ngủ của mình nơi thuê trọ tại Tổ 02, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai để cho Đặng Thị T thực hiện việc bán dâm 02 lần với 02 người là Lê Thanh B1 và Nguyễn Thành N1.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến đạo đức, thuần phong, mỹ tục, đến đời sống văn hóa và trật tự an ninh xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ pháp luật nghiêm cấm hành vi chứa mại dâm, nhưng với động cơ tư lợi bị cáo đã sử dụng nơi ở của mình đồng thời cung cấp bao cao su, khăn lạnh cho việc thực hiện mua bán dâm. Do vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại Điều 254 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã chứa một người mua bán dâm với hai người ở các khoảng thời gian khác nhau nên là “Phạm tội nhiều lần”, là tình tiết định khung

hình phạt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 của Bộ luật Hình sự. Do vậy việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội để có thời gian cải tạo giáo dục đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục và răn đe.

Về khung hình phạt đối với tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 2 Điều 254 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là từ 05 năm đến 15 năm tù, theo quy định tại khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là từ 05 năm đến 10 năm tù. Khung hình phạt theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 nhẹ hơn so với Bộ luật Hình sự năm 1999. Do vậy căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, N1 quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì cần áp dụng quy định về khung hình phạt tại khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự 2015 để xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Bà Phan Thị T1 là chủ nhà trọ mà Lê Thị N thuê, không biết việc N chứa mại dâm tại nhà trọ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

Các đối tượng mua, bán dâm Lê Thanh B1, Nguyễn Thành N1 và Đặng Thị T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã xử lý hành chính là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

Số tiền là 500.000đ của Lê Thanh B1 và Nguyễn Thành N1 dùng mua dâm nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với các vật chứng gồm: 02 bao cao su, 02 khăn lạnh hiệu Sapphire đã qua sử dụng, 04 bao cao su chưa qua sử dụng hiệu Beautiful Dream; 04 khăn lạnh chưa sử dụng hiệu Sapphire; 01 hộp bao cao su còn nguyên chưa sử dụng hiệu Beautiful Dream, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị N phạm tội “*Chứa mại dâm*”;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 254, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự; N1 quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Lê Thị N **05 (năm)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 19/6/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 500.000đ (năm trăm nghìn đồng);

Tịch thu sung tiêu hủy các vật chứng gồm: 02 bao cao su, 02 khăn lạnh hiệu Sapphire đã qua sử dụng; 04 bao cao su chưa qua sử dụng hiệu Beautiful Dream; 04 khăn lạnh chưa sử dụng hiệu Sapphire; 01 hộp bao cao su còn nguyên chưa sử dụng hiệu Beautiful Dream.

Các vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/8/2017 giữa Công an thị xã A và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và N1 quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Thị N phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2017) bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Bích Thảo